

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NQ-HĐND Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số định mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số định mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số /BC-... ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý

kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số định mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số định mức chi ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý ngân sách nhà nước của tỉnh Hưng Yên phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại các điểm a, đ, e, i và k khoản 11 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức chi ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đến công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lập, duyệt dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách được giao, không vượt quá định mức tối đa quy định tại Nghị quyết này.

2. Các nội dung và định mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN) và các quy định pháp luật hiện hành khác liên quan.

Điều 3. Một số định mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Định mức chi tiền thù lao của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo như sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Đồng)
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500.000
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		700.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		1.000.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Đồng)
	Chủ tịch Hội đồng		700.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500.000
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.500.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000.000
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		500.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		700.000
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội		1.500.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Đồng)
	đồng		
	Thư ký khoa học		300.000
	Thư ký hành chính		300.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		700.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		1.000.000
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
	Chủ tịch Hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
	Thư ký khoa học	Công	
	Thư ký hành chính	Công	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000.000
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc	Chuyên gia	1.500.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Đồng)
	lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia		

2. Định mức chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 khoản 1 Điều này.

Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần) thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh được áp dụng theo số công lao động dự kiến để thực hiện thẩm định và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 004/2025/TT-BNV).

3. Định mức chi thù lao của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BKHCN phục vụ công tác quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương được áp dụng định mức tối đa **bằng 100%** mức chi tối đa của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 khoản 1 Điều này. Việc quyết định mức chi của các Hội đồng này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

4. Chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Đồng)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200.000

5. Chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ mức áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định như đối với định mức chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

7. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này.

8. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật của Trung ương và của tỉnh, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 180/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan;

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các quy định như đối với

định mức chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học công nghệ, và đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước tại các lĩnh vực chi khác phục vụ quản lý các nhiệm vụ có tính chất khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được tổ chức thực hiện tại các cơ quan, đơn vị.

3. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí xã hội hóa, nguồn kinh phí huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Các nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 5, Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) ban hành quy định mức lập dự toán kinh phí định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

b) Điều 4 Nghị quyết số 395/2023/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa Kỳ họp thứ thông qua ngày thángnăm 2026./.

CHỦ TỊCH